

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/DS-ST.

Ngày: 10-10-2019.

V/v tranh chấp hui.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Tiết.

2. Ông Đặng Văn Bé.

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mai - Công chức Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019, về việc: tranh chấp hui, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm: 1983.

Cư trú tại: ấp 1, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm: 1942.

Cư trú tại: ấp 1, xã V, huyện C, tỉnh Long An. Theo văn bản ủy quyền ngày 08/10/2019.

- Bị đơn:

1. Bà Võ Thị Kiều T, sinh năm: 1974.

2. Ông Nguyễn Kim H, sinh năm: 1967.

Cùng cư trú tại: ấp 1, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

(Bà L, bà T có mặt; ông H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2019 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O và những lời khai trình tại tòa bà Phan Thị L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do mối quan hệ quen biết ở cùng ấp nên bà Nguyễn Thị Kiều O có tham gia chơi hui với bà Võ Thị Kiều T là vợ của ông Nguyễn Kim H, do bà T là chủ hui, cụ thể:

- Vào ngày 30/01/2017 âm lịch, bà O tham gia 01 dây hội 1.000.000 đồng, gồm 25 hội viên, hội khai hàng tháng, bà O đã đóng 20 lần được 13.560.000 đồng, thì bà T tuyên bố vỡ hội, sau khi trừ phần hội chết bà T còn thiếu lại bà O số tiền 6.620.000 đồng tiền vốn đóng hội.

- Phần hội lúa bắt đầu khai hội năm 2016, bà O tham gia 01 phần hội 5.000.000 đồng/lần, gồm 18 hội viên, hội 04 tháng khai 01 lần, bà O đã đóng 6 lần được 15.530.000 đồng tiền vốn. Đến kỳ khai hội thứ 7 bà T không khai hội, sau đó tuyên bố vỡ hội.

Như vậy tổng số tiền hội bà T còn thiếu nợ vốn đóng hội của bà O là 22.150.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị Kiều O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Kiều T cùng chồng là ông Nguyễn Kim H phải liên đới trả tiền vốn nợ hội là 22.150.000 đồng. Số tiền trên thanh toán một lần trong thời gian ngắn, không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn bà Võ Thị Kiều T trình bày:* Năm 2016 bà có tổ chức chơi hội, bà Nguyễn Thị Kiều O có tham gia chơi 1 phần hội lúa 5.000.000 đồng, 4 tháng khai hội 1 lần, bà O đã đóng được 6 lần được tổng cộng tiền vốn là 15.530.000 đồng. Hai phần hội tháng 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu khai vào ngày 30/01/2017. Đến tháng 16 bà O hót 1 phần hội tháng, bà đã giao đủ tiền hót hội cho bà O nhưng bà O không đóng lại hội chết. Bà O yêu cầu bà tự trừ phần hội sống qua phần hội chết, còn bao nhiêu trả lại cho bà O. Từ đó bà phải đóng choàng phần hội chết cho bà O, phần hội tháng bà còn nợ bà O là 6.620.000 đồng.

Như vậy phần hội tháng và phần hội lúa bà còn nợ bà O vốn đóng hội là 22.150.000 đồng. Bà đồng ý trả số nợ trên cho bà O nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 02/2020 cho đến khi xong nợ. Chồng bà là ông H không biết việc chơi hội.

- *Đồng bị đơn ông Nguyễn Kim H:* Tại bản tự khai ngày 04/7/2019 ông trình bày ông không có chơi hội với bất kỳ người nào nên ông không biết việc nợ hội, hiện nay ông và bà T đã sống ly thân với nhau; ông H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Sự việc đã được tổ chức hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua lời khai trình của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Nguyễn Thị Kiều O với bà Võ Thị Kiều T và ông Nguyễn Kim H có phát sinh tranh chấp nợ hội, việc tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được quy định tại các

Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết theo quy định. Đối với ông Nguyễn Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Kim H.

[2] Bà Nguyễn Thị Kiều O là hội viên và bà Võ Thị Kiều T là chủ hội, khai trình thống nhất về số tiền vốn đóng hội hiện nay bà T còn thiếu bà O tổng cộng hai phần hội là 22.150.000 đồng, nhưng các đương sự không thống nhất về thời gian và cách thức thanh toán nợ. Bà O yêu cầu bà T và ông H phải liên đới thanh toán số nợ vốn 22.150.000 đồng làm một lần trong thời gian ngắn, không yêu cầu tính lãi. Bà T đồng ý trả số nợ trên, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 02/2020 cho đến khi xong nợ. Ông Nguyễn Kim H khai trình không biết việc bà T chơi hội, hiện nay ông và bà T đã sống ly thân.

[3] Xét thấy bà Võ Thị Kiều T thừa nhận còn thiếu nợ vốn tiền hội của và bà Nguyễn Thị Kiều O là 22.150.000 đồng, bà T đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần, yêu cầu của bà T không được nguyên đơn đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Ông Nguyễn Kim H là chồng của bà T khai trình ông không có chơi hội và cũng không biết việc bà T tổ chức chơi hội, hiện nay ông và bà T đã sống ly thân. Xét thấy việc bà T tổ chức chơi hội với các hội viên là trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông H, tại phiên hòa giải ngày 04/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Công, ông Nguyễn Kim H thống nhất với số nợ hội của bà T và ông còn nợ các hội viên, ông hẹn đến ngày 04/3/2019 sẽ khắc phục số tiền nợ cho các hội viên nhưng không thực hiện. Do đó bà O yêu cầu bà T và ông H phải liên đới thanh toán nợ hội cho bà O là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy yêu cầu thanh toán nợ hội của bà Nguyễn Thị Kiều O phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phượng, nên được xem xét chấp nhận. Cần buộc bà Võ Thị Kiều T và ông Nguyễn Kim H phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kiều O số tiền là 22.150.000 đồng nợ hội khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ($22.150.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.107.500 \text{ đồng}$) theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị Định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biêu, phường;

- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp nợ hụi của bà Nguyễn Thị Kiều O đối với bà Võ Thị Kiều T và ông Nguyễn Kim H.

Buộc bà Võ Thị Kiều T và ông Nguyễn Kim H phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ hụi cho bà Nguyễn Thị Kiều O số tiền 22.150.000 đồng (Hai mươi hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Kiều T và ông Nguyễn Kim H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.107.500 đồng. Bà Nguyễn Thị Kiều O không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp là 1.250.000 đồng, theo biên lai thu số 0002049 ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Thái